

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ I - NĂM 2013**

**Mẫu số B01 – DN: Bảng cân đối kế toán**

**Mẫu số B02 – DN: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Mẫu số B03 – DN: Lưu chuyển tiền tệ**

**Mẫu số B09 – DN: Thuyết minh báo cáo tài chính**

*(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ Tài chính)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	02-04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06-07
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-28

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>274.798.544.700</b>	<b>295.900.686.570</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>64.802.769.286</b>	<b>119.238.918.723</b>
111	1. Tiền		14.136.138.140	15.722.955.937
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.666.631.146	103.515.962.786
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>20.116.000.000</b>	<b>19.962.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.116.000.000	19.962.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>112.372.188.058</b>	<b>70.111.925.376</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		103.525.999.473	72.055.167.551
132	2. Trả trước cho người bán		14.741.033.992	3.840.481.794
135	5. Các khoản phải thu khác	5	411.827.220	1.055.215.597
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.306.672.627)	(6.838.939.566)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>73.887.220.836</b>	<b>81.514.207.774</b>
141	1. Hàng tồn kho		73.887.220.836	81.514.207.774
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.620.366.520</b>	<b>5.073.634.697</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		629.856.414	571.809.003
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	223.144.027
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	4.072.303	110.088.483
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.986.437.803	4.168.593.184
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>514.609.685.349</b>	<b>504.625.830.805</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>138.792.456.694</b>	<b>142.195.901.617</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	129.084.549.965	132.833.227.751
222	- Nguyên giá		240.312.069.691	240.139.936.997
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(111.227.519.726)	(107.306.709.246)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	2.193.640.131	2.239.700.751
228	- Nguyên giá		3.144.071.126	3.144.071.126
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(950.430.995)	(904.370.375)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	7.514.266.598	7.122.973.115
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>366.489.491.060</b>	<b>352.168.629.419</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		366.489.491.060	352.168.629.419
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.327.737.595</b>	<b>10.261.299.769</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	8.717.129.009	9.255.992.486
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	610.608.586	1.005.307.283
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>789.408.230.049</b>	<b>800.526.517.375</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>262.855.400.482</b>	<b>293.916.763.628</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>250.758.822.230</b>	<b>269.032.078.186</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	82.241.317.130	90.964.910.980
312	2. Phải trả người bán		51.187.975.358	35.496.168.563
313	3. Người mua trả tiền trước		42.868.026.737	25.676.405.254
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.999.402.667	6.322.073.487
315	5. Phải trả người lao động		10.862.890.282	14.886.361.266
316	6. Chi phí phải trả	16	4.823.451.544	3.859.267.638
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	34.562.053.384	76.935.898.749
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		13.235.647.637	11.742.351.242
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.978.057.491	3.148.641.007
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.096.578.252</b>	<b>24.884.685.442</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		600.000.000	500.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	6.594.991.410
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		11.496.578.252	17.789.694.032
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>487.229.939.605</b>	<b>469.764.455.778</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>485.490.529.524</b>	<b>468.603.988.554</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		91.683.218	91.683.218
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		4.730.807.895	3.274.987.693
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.492.446.401	1.092.446.401
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		159.175.592.010	144.144.871.242
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.739.410.081</b>	<b>1.160.467.224</b>
432	1. Nguồn kinh phí	19	1.085.900.000	477.550.000
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		653.510.081	682.917.224
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>		<b>39.322.889.962</b>	<b>36.845.297.969</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>789.408.230.049</b>	<b>800.526.517.375</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.812.210.146	3.812.210.146
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		432,41	432,41
- Đồng Euro (EUR)		196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		1.923,55	1.923,55

Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2013

Người lập



Cao Thị Xiêm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Mai

Tổng Giám đốc



Phạm Mạnh Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,

Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2013	
				VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		148.303.538.979
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21		251.280.559
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22		148.052.258.420
11	4. Giá vốn hàng bán	23		116.829.214.211
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			31.223.044.209
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24		1.537.820.814
22	7. Chi phí tài chính	25		1.878.242.314
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>1.759.708.934</i>
24	8. Chi phí bán hàng	26		8.866.001.818
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27		12.021.997.526
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh			9.994.623.365
31	11. Thu nhập khác	28		369.940.909
32	12. Chi phí khác	29		24.306.584
40	13. Lợi nhuận khác			345.634.325
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			14.320.861.641
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			24.661.119.331
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.1		1.812.287.672
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.2		394.698.697
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			22.454.132.962
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			1.299.881.645
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			<u>21.154.251.317</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31		661

Người lập

Cao Thị Xiêm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Mai



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Quý I năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2013 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		136.482.622.071
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(100.680.813.407)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(26.329.363.774)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(885.154.966)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.965.731.325)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.431.198.946
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(40.756.794.813)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(11.704.037.268)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.857.849.523)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		89.090.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(27.152.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.962.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(24.406.768.295)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(35.365.526.909)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		17.661.260.050
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(23.779.845.310)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.248.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(7.366.585.260)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

50	Lưu chuyển tiền thuần trong quý	(54.436.149.437)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu quý	119.238.918.723
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối quý	<u>64.802.769.286</u>

Người lập



Cao Thị Xiêm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Mai

Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phạm Mạnh Hà



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2013

**1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương.

Trụ sở chính của Công ty: Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 320.000.000.000 đồng; tương đương 32.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Công ty có các công ty con sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Số 37, Đại lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	KCN Lê Minh Xuân, Quận Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	Xóm 6, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

**Công ty có các công ty liên kết sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Số 44B, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

## Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

### **Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	475.676.020	537.381.199
Tiền gửi ngân hàng	13.660.462.120	15.185.574.738
Các khoản tương đương tiền	50.666.631.146	103.515.962.786
	<b>64.802.769.286</b>	<b>119.238.918.723</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	20.116.000.000	19.962.000.000
	<b>20.116.000.000</b>	<b>19.962.000.000</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn**

	31/03/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư ngắn hạn khác	-	20.116.000.000	-	19.962.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	17.116.000.000	-	17.962.000.000
- Cho vay ngắn hạn	-	3.000.000.000	-	2.000.000.000
		<b>20.116.000.000</b>		<b>19.962.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/03/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	6.700.000	6.700.000
Phải thu về người lao động	63.339.930	37.393.200
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	87.768.127
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	26.922.377
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	10.075.164
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	-	501.643.335
Phải thu người lao động về thuế TNCN	45.588.690	10.425.496
Phải thu khác	296.198.600	374.287.898
	<b><u>411.827.220</u></b>	<b><u>1.055.215.597</u></b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/03/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	24.422.233.527	32.455.082.874
Công cụ, dụng cụ	1.238.191.037	1.261.676.444
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.385.561.819	8.639.713.578
Thành phẩm	34.756.526.529	34.282.958.152
Hàng hoá	4.121.160.037	4.071.380.034
Hàng gửi đi bán	963.547.887	803.396.692
	<b><u>73.887.220.836</u></b>	<b><u>81.514.207.774</u></b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/03/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.072.303	110.088.483
	<b><u>4.072.303</u></b>	<b><u>110.088.483</u></b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/03/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.970.437.803	2.325.152.603
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	7.993.981
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	16.000.000	1.835.446.600
	<b><u>2.986.437.803</u></b>	<b><u>4.168.593.184</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu quý	118.851.644.995	91.874.068.092	26.390.195.485	2.986.378.425	37.650.000	240.139.936.997
Số tăng trong quý	-	267.199.000	-	20.885.500	-	288.084.500
- Mua sắm mới	-	267.199.000	-	20.885.500	-	288.084.500
Số giảm trong quý	-	(115.951.806)	-	-	-	(115.951.806)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(115.951.806)	-	-	-	(115.951.806)
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>118.851.644.995</b>	<b>92.025.315.286</b>	<b>26.390.195.485</b>	<b>3.007.263.925</b>	<b>37.650.000</b>	<b>240.312.069.691</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu quý	35.649.724.694	55.003.384.939	14.734.614.102	1.885.335.505	33.650.006	107.306.709.246
Số tăng trong quý	1.379.658.000	1.932.451.929	608.180.299	96.696.770	2.000.001	4.018.986.999
- Trích khấu hao	1.379.658.000	1.932.451.929	608.180.299	96.696.770	2.000.001	4.018.986.999
Số giảm trong quý	-	(98.176.519)	-	-	-	(98.176.519)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(98.176.519)	-	-	-	(98.176.519)
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>37.029.382.694</b>	<b>56.837.660.349</b>	<b>15.342.794.401</b>	<b>1.982.032.275</b>	<b>35.650.007</b>	<b>111.227.519.726</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu quý	83.201.920.301	36.870.683.153	11.655.581.383	1.101.042.920	3.999.994	132.833.227.751
Số dư cuối quý	81.822.262.301	35.187.654.937	11.047.401.084	1.025.231.650	1.999.993	129.084.549.965

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối quý của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối quý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.814.261.101 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối quý chờ thanh lý:
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
- Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu quý	3.038.689.253	58.000.000	47.381.873	3.144.071.126
Số tăng trong quý	-	-	-	-
Số giảm trong quý	-	-	-	-
Số dư cuối quý	3.038.689.253	58.000.000	47.381.873	3.144.071.126
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu quý	832.876.875	32.666.662	38.826.838	904.370.375
Số tăng trong quý	40.753.041	3.333.333	1.974.246	46.060.620
- Trích khấu hao	40.753.041	3.333.333	1.974.246	46.060.620
Số giảm trong quý	-	-	-	-
Số dư cuối quý	873.629.916	35.999.995	40.801.084	950.430.995
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu quý	2.205.812.378	25.333.338	8.555.035	2.239.700.751
Số dư cuối quý	2.165.059.337	22.000.005	6.580.789	2.193.640.131

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>7.514.266.598</b>	<b>7.122.973.115</b>
- Các công trình của các công ty con	-	-
- Máy tiện đứng 2 trụ 2 đầu dao NM Cơ khí CSII	6.601.741.872	6.514.894.484
- Các dự án khác	912.524.726	608.078.631
	<b>7.514.266.598</b>	<b>7.122.973.115</b>

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>366.489.491.060</b>	<b>352.168.629.419</b>
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	366.489.491.060	352.168.629.419
	<b>366.489.491.060</b>	<b>352.168.629.419</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	3.290.560.614	3.431.584.638
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	984.869.741	1.141.401.523
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	500.315.121	860.748.539
Tiền thuê đất trả trước	-	2.572.314.013
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.941.383.533	1.249.943.773
	<b>8.717.129.009</b>	<b>9.255.992.486</b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>82.241.317.130</b>	<b>86.026.910.980</b>
- Vay ngân hàng	9.073.317.130	14.294.210.980
- Vay tổ chức khác	63.078.200.000	60.678.200.000
- Vay cá nhân	10.089.800.000	11.054.500.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>4.938.000.000</b>
	<b>82.241.317.130</b>	<b>90.964.910.980</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam <sup>(1)</sup>	42.572.200.000	42.572.200.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương <sup>(2)</sup>	9.073.317.130	12.794.210.980
Công đoàn Trường Cao Đẳng Công nghệ Hà Nội	-	100.000.000
Công đoàn Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội <sup>(3)</sup>	1.800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH SAS - CTAMAD <sup>(4)</sup>	18.706.000.000	18.706.000.000
Cán bộ công nhân viên <sup>(5)</sup>	10.089.800.000	11.054.500.000
	<b>82.241.317.130</b>	<b>86.026.910.980</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(1) Bao gồm 05 hợp đồng tín dụng:

1.1 Hợp đồng vay vốn số 016/2009/HĐVV/TBĐVN-CTAMAD ngày 08/01/2009, hợp đồng vay vốn số

- + Số tiền cho vay: 20 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 31/03/2013;
- + Lãi suất cho vay: 9% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tin chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2013: 20.000.000.000 đồng.

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

1.2 Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/TBĐVN-HEM ngày 06/04/2011 và các phụ lục gia hạn hợp đồng, với

- + Số tiền cho vay: 11.072.200.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 31/12/2012;

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý I năm 2013

- + Lãi suất cho vay: 9% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2013: 11.072.200.000 đồng.

1.3 Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TBĐVN-CTB ngày 01/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn đầu tư kinh doanh 2012;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ ngày 01/06/2012 đến 31/05/2013;
- + Lãi suất cho vay: 09%/năm, có thể thay đổi sau khi 03 tháng xem xét;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 10.000.000.000 đồng.

1.4 Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/TBĐVN-HAMEC ngày 06/04/2011 và các phụ lục gia hạn, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay vốn đầu tư nâng cao năng lực sản xuất;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 30/06/2013;
- + Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.000.000.000 đồng.

1.5 Hợp đồng vay vốn số 02/2011/HĐVV/TBĐVN-HAMEC ngày 14/12/2011 và phụ lục hợp đồng ngày 27 tháng

- + Số tiền cho vay: 500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay vốn đầu tư nâng cao năng lực sản xuất;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 30/06/2013;
- + Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 500.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 20.07.12.031.01/HĐTD ngày 20/07/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày cho vay;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi nhưng không thấp hơn lãi suất Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có bảo đảm bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung với giá trị tổng tài sản đảm bảo bổ sung tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 19.900.000.000 đồng.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 9.073.317.130, đồng.

### Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(3) Bao gồm 3 hợp đồng

3.1 Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TCKT ngày 06/02/2012 với các điều khoản chi tiết sau :

- + Số tiền cho vay: 300.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 9% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2013: 100.000.000 đồng.

3,2 Hợp đồng vay vốn số 02/2012/HĐVV/TCKT ngày 20/04/2012 với các điều khoản chi tiết sau :

- + Số tiền cho vay: 900.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 9% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2013: 600.000.000 đồng.

3,3 Hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐVV/TCKT ngày 03/01/2013 với các điều khoản chi tiết sau :

- + Số tiền cho vay: 1.100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 8% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2013: 1.100.000.000 đồng.

(4) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐVV/SAS-DC ngày 01/10/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 18.706.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 0% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2013: 18.706.000.000 đồng.

(5) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	547.270.558	679.916.213
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.812.287.671	3.199.144.593
Thuế Thu nhập cá nhân	350.172.435	437.015.781
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	3.289.672.003	2.005.996.900
	<b><u>5.999.402.667</u></b>	<b><u>6.322.073.487</u></b>

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK (*)	3.070.875.500	3.070.875.500
Chi phí lãi vay phải trả	569.996.072	450.011.004
Trích trước chi phí kiểm toán	-	60.000.000
Chi phí phải trả khác	1.182.579.972	278.381.134
	<b><u>4.823.451.544</u></b>	<b><u>3.859.267.638</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

(\*) Đây là khoản phí bản quyền gắn liền hợp đồng mua dây chuyền sản xuất van AVK của hãng AVK Đan Mạch. Tuy nhiên, do dây chuyền không hoạt động không đúng theo công nghệ quy định nên Công ty đang đàm phán để giảm mức phải trả phí bản quyền này.

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/03/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	206.808.993	208.306.993
Bảo hiểm xã hội	562.852.228	2.128.609
Bảo hiểm y tế	29.791.540	-
Bảo hiểm thất nghiệp	10.698.046	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	35.208.570.992
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(934.400.000)	35.600.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	33.893.860.000	35.141.860.000
Thưởng cuối năm 2012	-	5.261.622.800
Thù lao HĐQT, BKS 2012	-	29.500.000
Thu tiền để tài Bơm làm mát 150 m3	-	230.800.000
Phải trả tiền khám sức khỏe	182.896.079	214.922.713
Phải trả tiền ký cược sách thư viện	195.500.000	196.500.000
Phải trả về bảo hộ lao động	114.387.939	113.937.939
Phải trả phí liên thông đại học	89.700.000	89.700.000
Phải trả, phải nộp khác	209.958.559	202.448.703
	<u><b>34.562.053.384</b></u>	<u><b>76.935.898.749</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu quý</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>91.683.218</b>	<b>3.274.987.693 -</b>	<b>1.092.446.401 -</b>	<b>144.144.871.242</b>	<b>468.603.988.554</b>
Lãi/lỗ trong quý	-	-	-	-	21.154.251.317	21.154.251.317
Trích lập các quỹ	-	-	1.455.820.202	400.000.000	(6.123.530.549)	(4.267.710.347)
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>91.683.218</b>	<b>4.730.807.895</b>	<b>1.492.446.401</b>	<b>159.175.592.010</b>	<b>485.490.529.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Cuối quý</u> VND	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Đầu năm</u> VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	81,48%	260.722.000.000	81,48%	260.722.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	18,52%	59.278.000.000	18,52%	59.278.000.000
	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu quý</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối quý</i>	320.000.000.000	320.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>Cuối quý</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/03/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.730.807.895	3.274.987.693
Quỹ dự phòng tài chính	1.492.446.401	1.092.446.401
	<b>6.223.254.296</b>	<b>4.367.434.094</b>

**19 . NGUỒN KINH PHÍ**

	<u>Quý I năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu quý	477.550.000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong quý	608.350.000	1.055.600.000
Chi sự nghiệp	-	(578.050.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối quý	<b>1.085.900.000</b>	<b>477.550.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý I năm 2013
	VND
Doanh thu bán thành phẩm	83.987.457.596
Doanh thu bán hàng hóa	22.865.246.021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.469.129.396
	<b>148.303.538.979</b>

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý I năm 2013
	VND
Giảm giá hàng bán	24.825.000
Hàng bán bị trả lại	226.455.559
	<b>251.280.559</b>

**22 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý I năm 2013
	VND
Doanh thu thuận về bán thành phẩm	83.756.540.037
Doanh thu thuận về bán hàng hóa	22.844.883.021
Doanh thu thuận về cung cấp dịch vụ	41.469.129.396
	<b>148.052.258.420</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý I năm 2013
	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	57.943.374.228
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.113.408.827
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.568.649.578
	<b>116.829.214.211</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý I năm 2013
	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.537.820.814
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý	-
	<b>1.537.820.814</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý I năm 2013
	VND
Lãi tiền vay	1.759.708.934
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	85.630.180
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý	16.555.200
Chi phí lãi ký quỹ Đại lý	16.348.000
	<b>1.878.242.314</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Quý I năm 2013</u>
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	289.953.952
Chi phí nhân công	660.447.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.048.004
Chi phí bảo hành	1.741.266.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.572.812
Chi phí khác bằng tiền	4.789.712.856
	<u><u><b>8.866.001.818</b></u></u>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý I năm 2013</u>
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	807.244.311
Chi phí nhân công	4.804.374.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.652.101
Thuế, phí, lệ phí	321.492.632
Chi phí dự phòng	(532.266.939)
Lợi thế/bất lợi thương mại	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.731.621.887
Chi phí khác bằng tiền	3.209.879.302
	<u><u><b>12.021.997.526</b></u></u>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	<u>Quý I năm 2013</u>
	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	89.090.909
Thu nhập khác	280.850.000
	<u><u><b>369.940.909</b></u></u>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Quý I năm 2013</u>
	VND
Chi phí thanh lý tài sản	11.357.141
Chi phí khác	12.949.443
	<u><u><b>24.306.584</b></u></u>

**30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Quý I năm 2013</u>
	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	1.812.287.672
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u><u><b>1.812.287.672</b></u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>31/03/2013</u>
	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>610.608.586</b>
	<u>Quý I năm 2013</u>
	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh	<b>394.698.697</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty các số liệu sau :

	<u>Quý I năm 2013</u>
	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	21.154.251.317
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.154.251.317
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong quý	32.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>661</u></b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	<u>Quý I năm 2013</u>
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.811.539.723
Chi phí nhân công	26.328.439.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.148.881.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.581.610.001
Chi phí khác bằng tiền	16.434.039.091
	<b><u>130.304.509.500</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.802.769.286	-	119.238.918.723	-
Phải thu khách hàng	103.525.999.473	(6.306.672.627)	72.055.167.551	(6.838.939.566)
Phải thu khác	411.827.220	-	1.055.215.597	-
Đầu tư ngắn hạn	20.116.000.000	-	19.962.000.000	-
	<b>188.856.595.979</b>	<b>(6.306.672.627)</b>	<b>212.311.301.871</b>	<b>(6.838.939.566)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	82.241.317.130	97.559.902.390
Phải trả người bán	51.187.975.358	35.496.168.563
Chi phí phải trả	4.823.451.544	3.859.267.638
Phải trả khác	34.562.053.384	76.935.898.749
	<b>172.814.797.416</b>	<b>213.851.237.340</b>

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/03/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.802.769.286	-	-	64.802.769.286
Phải thu khách hàng	97.219.326.846	-	-	97.219.326.846
Phải thu khác	411.827.220	-	-	411.827.220
Đầu tư ngắn hạn	20.116.000.000	-	-	20.116.000.000
	<b>182.549.923.352</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>182.549.923.352</b>

**Tại 01/01/2013**

Tiền và các khoản tương đương tiền	119.238.918.723	-	-	119.238.918.723
Phải thu khách hàng	65.216.227.985	-	-	65.216.227.985
Phải thu khác	1.055.215.597	-	-	1.055.215.597
Đầu tư ngắn hạn	19.962.000.000	-	-	19.962.000.000
	<b>205.472.362.305</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>205.472.362.305</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/03/2013</b>				
Vay và nợ	82.241.317.130	-	-	82.241.317.130
Phải trả người bán	51.187.975.358	-	-	51.187.975.358
Chi phí phải trả	4.823.451.544	-	-	4.823.451.544
Phải trả khác	34.562.053.384	-	-	34.562.053.384
	<b>172.814.797.416</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>172.814.797.416</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý I năm 2013

**Tại 01/01/2013**

Vay và nợ	97.559.902.390	-	-	97.559.902.390
Phải trả người bán	35.496.168.563	-	-	35.496.168.563
Chi phí phải trả	3.859.267.638	-	-	3.859.267.638
Phải trả khác	76.935.898.749	-	-	76.935.898.749
	<b>213.851.237.340</b>	-	-	<b>213.851.237.340</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Năm 2012, Công ty không làm Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012 do đó không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2013

Người lập



Cao Thị Xiêm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Mai

Giám đốc



Phạm Mạnh Hà